

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST
Ngày: 04- 6- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Đoàn Văn T; sinh ngày 01-12-1971 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm X, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đình Thanh và bà Đỗ Thị Đào; có vợ là chị NLC1 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 11 tháng 02 năm 2020 đến nay; “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đặng Thị Anh T, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị hại:

1. Bà Vũ Thị H; sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm X, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

2. Ông Phạm Hữu U; sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm X, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

3. Ông Phan Văn V; sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm X, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Anh NLC2; “vắng mặt”.

2. Chị NLC1; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 26 tháng 01 năm 2020, bị cáo Đoàn Văn T đi bộ sang nhà ông Phan Văn V chơi. Khi sang nhà ông Văn, Đoàn Văn T thấy không có ai ở nhà, quan sát thấy trong sân có 01 chiếc xe đạp, Đoàn Văn T đã tiếp cận và lấy chiếc xe này. Bị cáo đạp xe đến Cửa hàng thu mua phế liệu tại nhà bà Vũ Thị H với mục đích để bán chiếc xe lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến nhà bà H, Đoàn Văn T mở cổng dắt xe đạp vào trong sân. Thấy gia đình bà H không có ai ở nhà, ở sân có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, biển kiểm soát 18G1- 092.95 (của bà H chồng là ông Phạm Hữu U) nên đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe. Tịch lấy 01 chiếc chìa khóa cắm trên ổ khóa chiếc xe mô tô cũ khác trong sân nhà bà H cắm vào ổ khóa của chiếc xe mô tô thì mở được khóa điện. Sau đó Tịch điều khiển chiếc xe trên đến Cửa hàng cầm đồ Duy Kha của anh NLC2 cầm cố lấy 5.000.000 đồng. Tịch ăn tiêu hết 400.000 đồng còn lại số tiền 4.600.000 đồng Tịch giấu tại đầu giường ngủ nhà mình.

Về vật chứng, tài sản đã thu giữ, gồm: 01 xe đạp và 01 xe mô tô bị trộm cắp đã được trả lại cho các bị hại; số tiền 4.600.000 đồng của Đoàn Văn T cất giấu như đã nêu, cùng với số tiền 400.000 đồng chị NLC1 (là vợ của Tịch) đã nộp thay để bồi thường cho bị cáo, tổng cộng là 5.000.000 đồng, đã được trả cho anh NLC2.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Giao Thủy xác định trị giá tài sản bị trộm cắp: 01 xe mô tô trị giá 5.400.000 đồng; 01 xe đạp trị giá 150.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố: Bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu. Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 22- 4- 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đoàn Văn T nhận tội, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu được công bố. Bị hại bà Vũ Thị H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy truy tố; đã luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đoàn Văn T từ 4 đến 6 tháng tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận gì. Người bào chữa cho bị cáo đồng thuận với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, phù hợp kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26-01-2020, tại xóm Xuân Minh, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, bị cáo Đoàn Văn T đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, chiếm đoạt của ông Phan Văn V 01 xe đạp trị giá 150.000 đồng, của bà Vũ Thị H và ông Phạm Hữu U 01 xe mô tô trị giá 5.400.000 đồng; tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.550.000 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo được xác định là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương gây sự bất bình và lo lắng trong nhân dân. Do đó, đã có đủ căn cứ xác định bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đối với bị cáo Đoàn Văn T là đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Đoàn Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 400.000 đồng để bồi thường cho anh NLC2 (người đã mua chiếc xe bị trộm cắp). Bị hại bà Vũ Thị H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo Đoàn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù nhưng áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[7] Bị cáo Đoàn Văn T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, như quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Vũ Thị H, ông Phan Văn V và ông Phạm Hữu U đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; nay không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, điều chỉnh.

[9] Đối với anh NLC2, đã có hành vi cho bị cáo Đoàn Văn T cầm cố chiếc xe mô tô. Tuy nhiên, anh Kha không biết đó là tài sản do Tịnh phạm tội mà có nên vấn đề xử lý không đặt ra.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 05 (năm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 02 năm 2020.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Đoàn Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo Đoàn Văn T và bị hại Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại Phạm Hữu U và Phan Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Công an huyện Giao Thủy;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên

